

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/01/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+CTK3+TD1	7:25	16+6+0	0+0+0		10+5+7	0+0+0	chuyen 2 ctk3-td1
2		BK10+VSP02+RP2	7:25	3+5+14	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
3		CTC1+RP2+RC3	9:25	7+10+4	0+0+0		7+4+10	0+0+0	
4		TD2	11:00	17	0		19	0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2021	TO: RP2 - CTK3 - TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - thông	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC KHANG	RP2	97	1	6	50	84	KH-THAC	Vietnamese
2	TAPACEHKO A.A	RP2	90	1	10		78	KH-THAC	Russian
3	HOANG THAI VIỆT	RP2	19	1	13		71	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	RP2	18	1	8	22	74	DVL	Vietnamese
5	ĐOÀN MINH HUƠNG	RP2	21-22	2	11		60	DVL	Vietnamese
6	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	RP2	94	1	5		66	YTE	Vietnamese
7	NGUYỄN HUNG CUƠNG	RP2	16-17	2	11		83	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÌNH XUÂN GIANG	RP2	99	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	98	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	92	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	91	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	93	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ ĐỨC CUƠNG	RP2	600	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN TÂN TÀI	RP2					72	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ LAM	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
16	LE VIET TRUONG	RP2	95-96	2	14		60	CODIEN	Vietnamese
17	DINH HONG THANG	CTK3					70	SAN BAY	Vietnamese
18	NGUYỄN BÌNH LONG	CTK3	69	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ HỮU HÀ	CTK3	71-73	3	19		66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG CHUƠNG	CTK3	70	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
21	CU XUÂN HUY	CTK3	67-68	2	17	12	59	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ THANH ĐẠT	CTK3	74-76	3	17		72	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	16	17	108	1.139	72	10		CHUYEN 2 PAX TU CTK3 SANG TD1
2	CTK3	6	10	61	409	12	5	2	
3	TD1	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	27	169	1.548	84	22		
WEIGHT KG				169	1.548	84			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: BK10 - VSP02 - RP2	CREW: HUNG - Duong - MQUÂN	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY MẠNH	BK10	09	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC QUY	BK10	08	1	13	40	76	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ HỮU CHÍNH	BK10	10	1	10	35	59	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG TỰ	VSP02	24	1	7	123	74	DUY LINH	Vietnamese
5	NGÔ VĂN QUANG	VSP02	22	1	10	25	68	DUY LINH	Vietnamese
6	TRƯƠNG HUY TRỌNG	VSP02	20	1	7		68	DUY LINH	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TỰ	VSP02	23	1	9		65	DUY LINH	Vietnamese
8	LÊ VĂN THAY	VSP02	25	1	7		70	DUY LINH	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	01	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN KIM NGÂN	RP2	05	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LUƠNG NGỌC THANH	RP2	10	1	3		98	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC OANH	RP2					67	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ CHI CÔNG	RP2	06	1	3		90	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG NGỌC LAN	RP2					84	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	03	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ HỮU QUAN	RP2	02	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	04	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ HOANG CẨM	RP2	07	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM TRUNG KIẾN	RP2					72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN BA DUY	RP2	08	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	09	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	3	3	33	216	75	0		
2	VSP02	5	5	40	345	148	1		
3	RP2	13	10	50	921	0	21		
TOTAL		21	18	123	1.482	223	22		
WEIGHT KG				123	1.482	223			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 3	TO: CTC1 - RP2 - RC3	CREW: HUNG - Dương - MQUÂN	ETA: 11:25
XANH - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHALIMOV A.A	CTC1	36	1	12		88	KH-THAC	Russian
2	VU QUANG TUYEN	CTC1	84	1	8	40	68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN THUC	CTC1	81	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẠU HUY HOANG	CTC1	82	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG ANH HUNG	CTC1	86	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯƠNG XUÂN THANH	CTC1	85	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO VĂN THỌ	CTC1	83	1	6		70	GETRACO	Vietnamese
8	TRẦN TRỌNG MẠNH	RP2	12	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU THANH	RP2	19	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN SANG	RP2	15	1	12		70	DVL	Vietnamese
11	VÕ CHÍ THANH	RP2	22-23	2	17		76	DVL	Vietnamese
12	PHẠM VĂN CUÔNG	RP2	20-21	2	19		83	DVL	Vietnamese
13	ĐÀO ANH HUYNH	RP2	16-17	2	20		70	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU NHÂN	RP2	11	1	5		75	NIPI	Vietnamese
15	LÊ VĂN TÀI	RP2	13	1	3		78	GETRACO	Vietnamese
16	TRẦN VĂN VIỆT A	RP2	14	1	4		66	GETRACO	Vietnamese
17	HỒ VĂN THẢO	RP2	18	1	3		70	GETRACO	Vietnamese
18	VŨ LÊ TRUNG	RC3	61-62	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ KHÁNH NAM	RC3	58-60	3	12		79	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM THẾ MẠNH	RC3				40	79	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN HAI VIỆT	RC3	63	1	6		89	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	7	7	46	508	40	7		
2	RP2	10	13	96	711	0	4		
3	RC3	4	6	36	315	40	10		
TOTAL		21	26	178	1.534	80	21		
WEIGHT KG				178	1.534	80			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:00
FLIGHT: 4	TO: TD2	CREW: Phương - TRƯỜNG	ETA: 14:00
CAM - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	23	1	12		67	PV GAS	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH TUÂN	TD2	26-27	2	12		73	PV GAS	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BAO	TD2	17	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	MAKSIMOV	TD2	33	1	11		119	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN QUANG TUYẾN	TD2					61	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRỌNG SƠN	TD2	24	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH TRI	TD2	18	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
8	KHÔNG THAI BÌNH	TD2	19	1	14	75	75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CHÍNH	TD2	15	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH TÙNG	TD2					71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG HIỆU	TD2	21	1	9		82	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG THÔNG	TD2					68	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ TIẾN VINH	TD2	16	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUỐC TIẾN	TD2	28	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH NAM	TD2	22	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY CÔNG	TD2	25	1	3		49	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ DUY ĐỨC	TD2	20	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	17	15	98	1.190	75	19		
TOTAL		17	15	98	1.190	75	19		
WEIGHT KG				98	1.190	75			

GRAND TOAL: 1.363 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN